

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Dương Thị Mùi
Ông Lê Phi Cường
Ông Lê Song Tùng
Bà Phạm Thị Phương

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24/12/2014)
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24/12/2014)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/12/2014)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/12/2014)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24/12/2014)

Ban Giám đốc

Ông Lê Phi Cường
Bà Dương Thị Mùi

Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/12/2014)
Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/12/2014)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Dương Thị Mùi
Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 12 năm 2015

Số: 12/2015/KT-AV2-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/12/2015, từ trang 06 đến trang 17, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, bảng cân đối tài khoản, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Ngày 08/12/2015, chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập số 08/2015/KT-AV2-TC về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Tại Công văn số 08/2015/CV-CT ngày 24/12/2015, Công ty đã đề nghị chúng tôi phát hành lại báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính này do Công ty trình bày lại số hiệu, ngày tháng các văn bản bổ nhiệm Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty, chỉ tiêu tại mã số 11 và 14 của báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và thuyết minh bổ sung chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” tại phần thuyết minh báo cáo tài chính. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với báo cáo tài chính kèm theo của Công ty liên quan tới các ý kiến trên báo cáo kiểm toán độc lập nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Ngọc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0487-2015-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2015

Đồng Văn Thát
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1458-2015-055-1

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DNN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140)	100		11.727.014.469	8.893.690.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.700.655	2.743.455
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.724.313.814	6.278.681.385
1. Phải thu khách hàng	131		11.724.313.814	6.278.681.385
IV. Hàng tồn kho	140		-	2.612.266.065
1. Hàng tồn kho	141	5	-	2.612.266.065
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210)	200		3.863.216.330	4.415.963.177
I. Tài sản cố định	210	6	3.863.216.330	4.415.963.177
1. Nguyên giá	211		6.548.348.214	6.548.348.214
2. Giá trị hao mòn lũy kế	212		(2.685.131.884)	(2.132.385.037)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		15.590.230.799	13.309.654.082
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		6.944.404.418	5.103.078.890
I. Nợ ngắn hạn	310		6.944.404.418	5.103.078.890
1. Vay ngắn hạn	311	7	1.965.284.533	3.465.284.533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8	2.596.715.800	1.137.794.357
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	9	2.382.404.085	500.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.645.826.381	8.206.575.192
I. Vốn chủ sở hữu	410	10	8.645.826.381	8.206.575.192
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.000.000.000	8.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		645.826.381	206.575.192
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		15.590.230.799	13.309.654.082

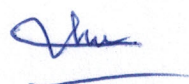
Lạng Sơn, ngày 24 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Minh Thùy

Kế toán trưởng



Vũ Hiền Phương

Giám đốc



Dương Thị Mùi

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mẫu số B 02 - DNN
Đơn vị tính: VND

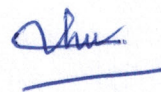
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11	4.950.574.935	1.403.473.509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	11	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	11	4.950.574.935	1.403.473.509
4. Giá vốn hàng bán	11	12	2.612.266.065	903.480.848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.338.308.870	499.992.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.000	49.971
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		897.917.921	749.089.008
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		1.440.400.949	(249.046.376)
11. Thu nhập khác	31	13	-	5.000.024.053
12. Chi phí khác	32	13	693.956.952	4.621.837.252
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	13	(693.956.952)	378.186.801
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		746.443.997	129.140.425
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	14	307.192.808	30.271.935
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		439.251.189	98.868.490

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Minh Thùy

Vũ Hiền Phương

Dương Thị Mùi

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Mẫu số B 03 - DNN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		746.443.997	129.140.425
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		552.746.847	552.746.832
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.000)	(49.971)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.299.180.844	681.837.286
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.445.632.429)	(1.662.245.642)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.612.266.065	903.480.848
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.031.263.376	292.440.236
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	156.642.016
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		2.869.344	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.499.947.200	372.154.744
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.000	49.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.000	49.971
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.500.000.000)	(373.854.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.500.000.000)	(373.854.904)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(42.800)	(1.650.189)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.743.455	4.393.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5	2.700.655	2.743.455

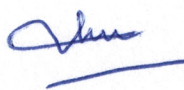
Lạng Sơn, ngày 24 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Minh Thùy

Kế toán trưởng



Vũ Hiền Phương

Giám đốc



Đương Thị Mùi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 18/02/2008, nay thay đổi theo mã số doanh nghiệp là 4900270327, thay đổi lần thứ 5 ngày 08/05/2015.

Vốn điều lệ là 38.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than non;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn nhựa đường trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nhựa đường trong xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Mỏ Lũng Hòa, thôn Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để được cấp phép khai thác đá theo quy định của pháp luật.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam ban hành tại Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp phân bước.

4.3 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/4/2014 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị

2014
Số năm

05 - 25
03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.4 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

4.5 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính là tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.6 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.7 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

4.7 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thành phẩm tồn kho	-	2.612.266.065
Cộng	-	2.612.266.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2014	2.057.657.305	4.490.690.909	6.548.348.214
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	2.057.657.305	4.490.690.909	6.548.348.214
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2014	724.572.972	1.407.812.065	2.132.385.037
Khấu hao trong năm	228.049.275	324.697.572	552.746.847
Tại ngày 31/12/2014	952.622.247	1.732.509.637	2.685.131.884
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	1.333.084.333	3.082.878.844	4.415.963.177
Tại ngày 31/12/2014	1.105.035.058	2.758.181.272	3.863.216.330

7. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn (1)	1.230.149.075	1.230.149.075
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn (2)	735.135.458	2.235.135.458
Cộng	1.965.284.533	3.465.284.533

Cụ thể:

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 8403-LAV-201000565 ngày 13/10/2010.

Hạn mức vay: 6.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Đầu tư vốn lưu động khai thác, chế biến quặng sắt, đá xây dựng

Thời hạn cho vay: 6 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu;

Lãi suất cho vay: 14,4%/năm;

Bảo đảm tiền vay: Bảo đảm bằng tài sản và Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển.

Năm 2014, Công ty không phải trả lãi vay của khoản vay trên.

(2) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 8403-LAV-200900480 ngày 17/4/2009.

Hạn mức vay: 3.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Mua dây chuyền máy nghiền đá và lắp đặt trạm biến áp 560KVA;

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu;

Lãi suất cho vay: 0,875%/tháng.

Năm 2014, Công ty không phải trả lãi vay của khoản vay trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.154.383.822	920.215.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp	420.595.274	116.271.810
Thuế tài nguyên	358.828.250	77.023.400
Các loại thuế khác	2.000.000	2.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	660.908.454	22.283.509
Cộng	2.596.715.800	1.137.794.357

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả khác (*)	2.382.404.085	500.000.000
Cộng	2.382.404.085	500.000.000

(*) Đây là khoản tiền mà Ông An Văn Tuấn thay mặt thanh toán cho công ty tiền vay ngân hàng và công nợ với cơ quan thuế, trong đó: số thuế đã thanh toán là 382.404.085 VND; các khoản vay đã thanh toán là 2.000.000.000 VND.

Tháng 03 năm 2013, ông An Văn Tuấn đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty cho các cổ đông khác. Tại thời điểm chuyển nhượng cổ phần, ông An Văn Tuấn và các nhà đầu tư nhận mua cổ phần Công ty đã có thỏa thuận về việc các nghĩa vụ của Công ty đối với các cơ quan thuế, ngân hàng kể từ khi thành lập Công ty đến hết tháng 4/2013 (thời điểm hoàn thành chuyển nhượng cổ phần). Theo đó, ông An Văn Tuấn cam kết có nghĩa vụ thay mặt Công ty thanh toán toàn bộ các khoản nợ vay ngân hàng và các nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế còn tồn đọng.

Tổng số nợ vay ngân hàng và nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế còn tồn đọng tại thời điểm hoàn thành chuyển nhượng cổ phần là 5.230.000.342 VND.

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Đơn vị tính: VND		
Tại ngày 01/01/2013	8.000.000.000	107.706.702	8.107.706.702
Tăng trong năm	-	98.868.490	98.868.490
Tại ngày 31/12/2013	8.000.000.000	206.575.192	8.206.575.192
Tại ngày 01/01/2014	8.000.000.000	206.575.192	8.206.575.192
Tăng trong năm	-	439.251.189	439.251.189
Tại ngày 31/12/2014	8.000.000.000	645.826.381	8.645.826.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>Vốn cổ phần</u>	<u>Vốn cổ phần</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	7.680.000.000	7.680.000.000
Ông Lê Phi Cường	160.000.000	160.000.000
Ông Lê Song Tùng	160.000.000	160.000.000
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000

11. DOANH THU

	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.950.574.935	1.403.473.509
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	4.950.574.935	1.403.473.509
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.950.574.935	1.403.473.509

12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.612.266.065	903.480.848
Cộng	2.612.266.065	903.480.848

13. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	4.616.437.000
Thu khác	-	383.587.053
Thu nhập khác	-	5.000.024.053
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	4.616.435.743
Bị phạt thuế, truy thu thuế	693.956.952	5.401.509
Chi phí khác	693.956.952	4.621.837.252
Lợi nhuận khác	(693.956.952)	378.186.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	746.443.997	129.140.425
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>938.730.289</i>	<i>5.401.509</i>
Khấu hao không được trừ	244.773.337	
Các khoản phạt, truy thu thuế	693.956.952	5.401.509
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	1.685.174.286	134.541.934
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	25% và 20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế (7)=(5)*(6)	337.034.857	30.271.935
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm nay (8)	(29.842.049)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (9)=(7)+(8)	307.192.808	30.271.935

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	-	36.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.746.847	552.746.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.800	1.700.160
Chi phí khác	345.118.274	158.642.016
Cộng	897.917.921	749.089.008

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.7.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.700.655	2.743.455
Phải thu khách hàng	11.724.313.814	6.278.681.385
Cộng	11.727.014.469	6.281.424.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DNN

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Nợ tài chính		
Vay và nợ		
Các khoản phải trả khác	1.965.284.533	3.465.284.533
	2.382.404.085	500.000.000
Cộng	4.347.688.618	3.965.284.533

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

17. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty chưa được kiểm toán và được soát xét, được phân loại lại cho phù hợp với báo cáo tài chính năm nay.

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Minh Thùy

Kế toán trưởng

Vũ Hiền Phương

